TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:**16**/2025/HS-ST
Ngày:18-3-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thu Trà - Ông Đinh Quốc Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lương Dương Tùng A-Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, (tên gọi khác: không) sinh ngày 04/10/1990, tại Thái Nguyên. Nơi thường trú: xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn H1 và bà: Nguyễn Thị H2; Vợ: Lý Thị N, có 03 con chung; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

*Bị hại: Anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1988, địa chỉ: xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xử vắng mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1992, địa chỉ: xóm L, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xử vắng mặt)

*Người làm chứng:

1) Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1960, trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

2) Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967, địa chỉ: xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

3) Chị Lý Thị N, sinh năm 1991, địa chỉ: xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đây giữa Nguyễn Văn H và Hoàng Văn N1 có mối quan hệ làm ăn chung sau đó H phải chịu thua lỗ một mình nên khi khi H thấy Hoàng Văn N1 có đăng facebook bán 01 khúc gỗ lát nên nảy sinh ý định trộm cắp khúc gỗ lát của anh N1, mục đích buộc anh N1 đến nói chuyện, bàn bạc về trách nhiệm của hai bên khi thua lỗ. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/08/2024, H điều khiển chiếc xe ô tô cẩu BKS 29H-668.86 đi từ nhà đến bãi gỗ của anh N1 gần nhà văn hóa xóm Đ, xã Y, huyện P thì xuống xe quan sát thấy tại đống gỗ của anh N1 có 01 khúc gỗ lát có kích thước lớn nhất là (6,8m x 1,67m) nên lấy 02 đoạn dây cáp bằng vải có sẵn trên thùng xe buộc vào hai đầu khúc gỗ lát rồi dùng máy cẩu khúc gỗ lên thùng xe sau đó điều khiển xe ô tô chở khúc gỗ về cất giấu tại nhà mẹ đẻ. Đến khoảng 08 giờ 00 ngày 13/8/2024, anh Hoàng Văn N1 đến bãi gỗ thì phát hiện bị mất khúc gỗ lát nên đã trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã xác định được Nguyễn Văn H là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngày 14/8/2024 gia đình H đã tự nguyện giao nộp khúc gỗ H đã trộm cắp của anh N1 cho Cơ quan CSĐT Công an huyện P.

Tại Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 276-2024/KL-LNNĐ của V nhiệt đới kết luận: Khúc gỗ Nguyễn Văn H trộm cắp của anh Hoàng Văn N1 là gỗ lát hoa, là loài thực vật thông thường, không có tên trong Sách Đỏ Việt Nam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1352/KL-HĐĐGTS ngày 20/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 (một) khúc gỗ lát có kích thước dài 6,8m, vòng dây trung bình tại điểm giữa của khúc gỗ đo được là 1,67m. Quy đổi thành (m^3) được tính như sau: π = (3,1416)/4= (0,7854) x (vòng dây 1,67m) x (vòng dây 1,67m) x (chiều dài 6,8m) x 1 = 1,489m^3 và được xác định là loại gỗ Lát hoa, thuộc nhóm gỗ quý hiếm, đặc biệt (nhóm I). Gỗ tròn, nhóm I, có giá: 14.197.000đ/m^3, vòng dây > 1,20m trở lên bằng 1,5 lần mức giá quy định và được tính như sau: 1,489m^3 x 14.197.000 đ/m^3 x (1,5 lần) = 31.708.999 đồng. (Ba mươi mốt triệu, bảy trăm linh tám nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

Bản cáo trạng số 08/CT-VKSPL ngày 19 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 9-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng. Trách nhiệm dân sự: đã bồi thường xong, không đặt ra xem xét. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, tại lời nói sau cùng bị cáo mong hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng như được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.2 Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tuy nhiên Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, đồng thời anh N1 và anh H3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn H tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như Đơn trình báo; Biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, biên bản sự việc; Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Kết luận định giá tài sản. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do mâu thuẫn trong việc làm ăn, khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/8/2024 Nguyễn Văn H có hành vi điều khiển xe ô tô cẩu BKS 29H-668.86 trộm cắp 01 khúc gỗ lát hoa có kích thước (6,8mx 1,67m) của anh Đặng Văn N2 mang về nhà mẹ đẻ cất giấu. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P xác định giá trị tài sản bị cáo H trộm cắp là 31.708.999 đồng (Ba mươi mốt triệu, bẩy trăm linh tám nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

[3] Với hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản trị giá là 31.708.999 đồng hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương và xã hội vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[5] Xét nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy ngay sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã trả lại tài sản trộm cắp cho bị hại đồng thời bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đồng thời bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b,i,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Xét đề nghị xin được cải tạo tại địa phương của bị cáo thấy bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự không cần cách ly xã hội, cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đảm bảo tác dụng giáo dục pháp luật đối với bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu, không có nghề nghiệp ổn định, do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản trộm cắp đã trả lại cho bị hại đồng thời bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồn xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đối với xe ô tô cẩu BKS 29H-668.86 Hà điều khiển để trộm cắp khúc gỗ lát hoa của anh N2, quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1992 trú tại xóm Làng, xã Y, huyện P là em trai bị cáo đã thuê bị cáo lái xe và quản lý xe trên. Anh H3 không biết H sử dụng để đi trộm cắp tài sản, hiện xe ô tô đã trả cho anh H3 quản lý sử dụng, đồng thời cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với anh H3 là có căn cứ.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản"

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách gia đình bị

cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

[3] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Hoàng Văn N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Phòng Hồ sơ Nghiệp vụ CA tỉnh TN;
- THADS huyện Phú Lương;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Yên Đổ, huyện Phú Lương;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu HS,VP.